

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Đồ án Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy Quảng Trị về việc phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2021, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, địa phương liên quan tổ chức lập Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng và kết quả tổng hợp ý kiến của các Sở, Ban ngành, địa phương liên quan; thực hiện theo đúng các quy định tại Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và Luật Xây dựng năm 2014, UBND tỉnh báo cáo và kính trình HĐND tỉnh thông qua đồ án Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045, với nội dung như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Nhằm triển khai cụ thể hóa Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 -2021, định hướng đến năm 2025.

2. Quá trình thực hiện

Trên cơ sở phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030; UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng tổ chức lập đồ án Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045.

Quy hoạch chung đô thị mới La Vang đã được lấy ý kiến tham gia của các Sở, ngành và địa phương, lấy ý kiến công đồng dân cư và đã tổ chức hội đồng thẩm định đồ án, đến nay đã được hoàn thiện trình HĐND tỉnh.

3. Nội dung chính của đồ án

3.1 - Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045.

3.2 - Vị trí và ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

- Phạm vi và ranh giới: Toàn bộ xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, có ranh giới như sau:

- + Phía Bắc: Giáp xã Hải Quy;
- + Phía Nam: Giáp xã Hải Lâm;
- + Phía Đông: Giáp xã Hải Thượng;
- + Phía Tây: Giáp thị xã Quảng Trị.

- Quy mô diện tích: 1.738,5 ha.

3.3 - Mục tiêu, tính chất

a. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2021, định hướng đến năm 2025.

- Xây dựng phát triển đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V trước năm 2045, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành trung tâm chuyên ngành về thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Lăng;

- Là cơ sở cho việc lập chương trình phát triển đô thị, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng.

b. Tính chất:

Là đô thị tổng hợp trực thuộc huyện Hải Lăng, là đô thị loại V; phát triển về thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch, nông nghiệp công nghệ cao; có vị trí quan trọng về quốc phòng và an ninh.

3.4 - Một số chỉ tiêu cơ bản

- Chỉ tiêu sử dụng đất: Đất dân dụng bình quân toàn đô thị từ $70 \div 100$ m²/người; Đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị từ $45 \div 55$ m²/người; Đất cây xanh đô thị từ $4 \div 7$ m²/người;

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội áp dụng theo tiêu chí đô thị loại V.

3.5 - Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên là 1.738,5 ha. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045 như sau:

- Đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 575,24 ha, chiếm khoảng 33,09% tổng diện tích đất tự nhiên, gồm:

+ Đất dân dụng là 222,78 ha, chỉ tiêu khoảng 92,13 m²/người, chiếm khoảng 12,81% tổng diện tích đất tự nhiên, gồm: Đất các đơn vị ở; Đất CTCC cấp đô thị; Đất cây xanh cấp đô thị; Đất giao thông cấp đô thị.

+ Đất ngoài dân dụng là 352,46 ha, chiếm khoảng 20,27% tổng diện tích đất tự nhiên, gồm: Đất cây xanh chuyên đề; Đất du lịch; Đất thương mại - dịch vụ ngoài đô thị; Đất cơ quan bên ngoài và trung tâm chuyên ngành; Đất giao thông đối ngoại; Đất an ninh - quốc phòng; Đất tôn giáo - tín ngưỡng, di tích; Đất nghĩa trang, nghĩa địa; Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật; Đất dự trữ phát triển.

- Đất khác là 1.163,26 ha chiếm 66,91% tổng diện tích tự nhiên, gồm: Đất sản xuất nông nghiệp, Đất lâm nghiệp, Đất nuôi trồng thủy sản; Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và đất mặt nước chuyên dùng.

3.6 - Định hướng phát triển không gian đô thị

a. Hướng phát triển đô thị:

- Phát triển đô thị theo hướng thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, cụ thể như sau:

+ Về thương mại dịch vụ phát triển tuyến hành lang kinh tế Quốc lộ 1, tuyến đường Tỉnh lộ 588a (Phụ lộ B), đường Phú Lệ A, các tuyến trục chính đô thị; nâng cấp cải tạo chợ Long Hưng, hình thành các trung tâm thương mại tại khu vực trung tâm đô thị; phát triển các dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu tại các kỳ hành hương tại Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang.

+ Về dịch vụ du lịch phát triển tại khu vực Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang, khu công viên chuyên đề tại khu vực Tiên Hồ trên (khu vui chơi giải trí), đồng thời, kết nối với các khu du di tích đặc biệt quốc gia trên địa bàn tỉnh, hình thành chuỗi dịch vụ du lịch tâm linh phục vụ cho các du khách đến hành hương, du lịch, nghỉ dưỡng; Phát triển du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực hồ Khe Khế, hồ Choi Pheo, hồ Choi Yên; Du lịch miệt vườn, trải nghiệm tại các vườn cây ăn quả, dịch vụ câu cá,...

+ Về nông nghiệp công nghệ cao: phát triển mô hình trồng cây ăn quả tại khu vực Khe Khế; phát triển vùng sản lúa nước chất lượng cao tại khu vực trồng lúa thôn Long Hưng, khu vực Trầm Nãy, Lườn và Cửa Miệu thuộc thôn Phú Hưng; Phát triển rừng sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị; phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững.

- Phát triển đô thị La Vang theo hướng kết nối với thị xã Quảng Trị, thành phố Đông Hà trên cơ sở hình thành đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Diên Sanh và Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; kết nối hạ tầng với tuyến đường Quốc lộ 1, Truyến đường tránh Quốc lộ 1 phía Tây, đường Quốc lộ 9 và đường

sắt cao tốc Bắc - Nam hình thành hệ thống giao thông đối ngoại tạo đà thúc đẩy phát triển đô thị.

b. Phân khu chức năng đô thị:

- Phân khu 1: là một đơn vị ở, có diện tích khoảng 317,5 ha, quy mô dân số khoảng 7.000 người, thuộc thôn Long Hưng, nằm ở phía Đông - Bắc của đường sắt Bắc - Nam; phát triển thương mại dịch vụ, phát triển nông nghiệp chất lượng cao.

- Phân khu 2: là trung tâm đô thị, đơn vị ở, có diện tích khoảng 557,6 ha, quy mô dân số khoảng 9.000 người, thuộc thôn Phú Hưng, nằm ở phía Tây - Nam của đường sắt Bắc - Nam và phía Bắc khe Phườnng Sấn; phát triển thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch, du lịch nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao.

- Phân khu 3: là khu vực sản xuất nông nghiệp, có diện tích khoảng 863.4 ha, nằm ở khu vực hồ Khe Khế, phía Nam của đô thị; phát triển rừng sản xuất, trồng cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, du lịch nghỉ dưỡng và trải nghiệm.

c. Định hướng phát triển các công trình dịch vụ - công cộng:

- Trung tâm hành chính: nâng cấp cải tạo trụ sở xã hiện trạng nằm trên tuyến Quốc lộ 1 thuộc thôn Long Hưng; định hướng sau năm 2030 hình thành trung tâm hành chính mới nằm trên trục chính đô thị (32,0m) thuộc thôn Phú Hưng.

- Thương mại dịch vụ: Nâng cấp, cải tạo chợ Long Hưng, phát triển các trung tâm thương mại dịch vụ trên tuyến Quốc lộ 1, tuyến tránh Quốc lộ 1 phía Đông tuyến đường Tỉnh lộ 588a (Phú lộ B), đường Phú Lộ A, đường Phú Quy, khu vực trung tâm đô thị.

- Văn hóa, thể dục thể thao: Nâng cấp, cải tạo các nhà văn hóa, sân chơi thể dục thể thao hiện trạng tại thôn Long Hưng, thôn Phú Hưng, Nhà văn hóa trung tâm xã; định hướng sau năm 2030, hình thành nhà văn hóa trung tâm đô thị tại thôn Phú Hưng, trung tâm thể dục thể thao nằm trên đường Phú Lộ B, thôn Phú Hưng.

- Y tế: Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã tại thôn Phú Hưng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân; định hướng sau năm 2030, xây dựng trạm y tế ở thôn Long Hưng, bệnh viện đa khoa tại thôn Phú Hưng.

- Giáo dục: Nâng cấp, cải tạo, mở rộng các trường trung học cơ sở, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; định hướng sau năm 2030, hình thành trường trung học phổ thông tại thôn Phú Hưng.

- Đơn vị ở: Định hướng hình thành hai đơn vị ở đô thị, gồm: Đơn vị ở Phú Hưng với diện tích khoảng 557,6 ha, quy mô dân số khoảng 9.000 người; Đơn vị ở Long Hưng với diện tích khoảng 317,5 ha, quy mô dân số khoảng 7.000 người.

3.7 - Thiết kế đô thị

a) Phân vùng cảnh quan:

- Khu vực rừng núi: là khu vực cảnh quan tự nhiên, có địa hình đồi núi, hồ nước, khe nước nằm phía Nam của đô thị; định hướng bảo vệ cảnh quan tự

nhiên, kết hợp phát triển rừng sản xuất, trồng cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm.

- Khu vực dân cư hiện hữu: là khu dân cư thuộc hai thôn Long Hưng, Phú Hưng, nằm ở phía Bắc của đô thị; Định hướng cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư nông thôn đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại V, phù hợp với khí hậu, phong tục, tập quán và gìn giữ bản sắc kiến trúc của địa phương; Hình thành các khu dân cư mới đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Khu vực bảo tồn: Khoanh vùng, bảo vệ các di tích lịch sử trên địa bàn, gồm Nhà thờ Long Hưng, căn cứ La Vang, đình làng Long Hưng.

b) Tổ chức không gian:

- Cửa ngõ đô thị có 04 vị trí, gồm: Cửa ngõ số 1 nằm trên đường Phú Lệ A giao Quốc lộ 1; Cửa ngõ số 2 nằm trên đường trục chính đô thị đi vào trung tâm đô thị, vị trí bên cạnh Nghĩa trang xã Hải Phú; Cửa ngõ số 3 nằm trên đường Phú Lệ B giao Quốc lộ 1; Cửa ngõ số 4 nằm trên đường Hùng Vương nối dài.

- Trục chính đô thị: Trục Quốc lộ 1; Phú Lệ A; Phú Lệ B; Hùng Vương nối dài; Trục chính Phú - Quy; Trục chính 32,0m nối trục Phú Lệ A và Quốc lộ 1.

- Điểm nhấn đô thị: Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang; nhà thờ Long Hưng; khu vực trung tâm quảng trường đô thị, quảng trường cây xanh; các nút giao thông trục chính đô thị.

- Không gian mở: Công viên chuyên đề tại khu vực Tiên Hồ trên; Không gian mở khu vực Trầm Nãi, Lườn và Cửa Miệu; không gian mở khu vực An Lạc; Công viên trung tâm Đá Bạc.

- Cây xanh đô thị: Xây dựng khu công viên cây xanh đô thị tại khu vực Đá Bạc, thôn Phú Hưng; tổ chức không gian các công viên chuyên đề tại khu vực Tiên Hồ trên, Trầm Nãi, Lườn, Cửa Miệu, An Lạc; bảo vệ và phát triển khu vực rừng sản xuất, trồng cây ăn quả.

- Mặt nước: Bảo tồn, khai thác, phát huy cảnh quan mặt nước tự nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái các hồ Khe Khé, hồ Choi Pheo, hồ Choi Yên, khe Khé, khe Phường Sắn.

3.8 - Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Giao thông đường sắt: Đường sắt Bắc - Nam; đường sắt cao tốc Bắc - Nam; đường sắt cao tốc Lao Bảo - Mỹ Thủy.

+ Giao thông đường bộ: Đường Quốc lộ 1 có mặt cắt lộ giới là 23,5m; đường Quốc lộ 1 tránh phía Đông (Võ Thị Sáu) có mặt cắt lộ giới là 23,5m; đường Quốc lộ 1 tránh phía Tây có mặt cắt lộ giới là 26,0m; đường Tỉnh lộ 588a (Phú Lệ B) tại khu vực trung tâm có mặt cắt lộ giới là 37,0m, khu vực còn lại có mặt cắt lộ giới là 20,5m; đường Phú Lệ A ở khu vực trung tâm có mặt cắt lộ giới

là 32,0m, khu vực còn lại có mặt cắt lộ giới là 20,5m; đường Hùng Vương nổi dài có mặt cắt lộ giới là 37,0m; đường Phú - Quy ở khu vực trung tâm có mặt cắt lộ giới là 32,0m, khu vực còn lại mặt cắt lộ giới là 20,5m; đường ĐH 49A mặt cắt lộ giới là 20,5m;

- Giao thông đối nội: Đường trục chính đô thị có mặt cắt lộ giới là 32,0m; đường chính đô thị có mặt cắt lộ giới 20,5m; đường liên khu vực và đường chính khu vực có mặt cắt lộ giới 15,5m.

- Bãi đỗ xe: Xây dựng 03 bãi đỗ xe phục vụ nhu cầu tại các kỳ hành hương tại Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang, gồm: Bãi đỗ xe số 1 nằm trên đường Phú Lệ B; Bãi đỗ xe số 2 nằm khu vực Đá Bạc; Bãi đỗ xe số 3 nằm trên đường Hùng Vương nổi dài.

b) Cao độ nền:

- Cao độ nền khống chế theo tính toán chu kỳ lặp lại mực nước ngập đối với khu ở, khu công nghiệp - kho tàng và khu trung tâm là 10 năm; Cao độ nền khống chế theo tính toán chu kỳ lặp lại mực nước ngập đối với khu cây xanh cách ly, thể dục thể thao là 02 năm.

- Cao độ nền: Khu vực trung tâm đô thị, khu dân cư tập trung là $H_{xd} \geq + 5,0m$; Khu vực công nghiệp là $H_{xd} \geq + 5,0m$; Khu vực cây xanh, công viên là $H_{xd} \geq + 4,5 m$.

c) Cấp điện:

- Nguồn điện: Trạm 110/22kV-2x25MVA Diên Sanh.

- Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2045 là 5.050 KVA.

- Lưới điện trung thế (22kV): Xây dựng mới tuyến đường dây 22kV với chiều dài khoảng 23.200m.

- Trạm hạ thế: Cải tạo nâng công suất các trạm hạ thế 22/0,4kV hiện có cho phù hợp với nhu cầu phụ tải. Bổ sung xây dựng mới các trạm hạ thế 22/0,4kV cho các khu vực phát triển phụ tải mới. Sử dụng hình thức trạm hạ thế kiểu Kios hoặc trạm một cột cho khu vực trung tâm và các khu phát triển đô thị mới.

d) Điện chiếu sáng:

- Cải tạo, nâng cấp, phát triển tất cả các loại hình chiếu sáng theo hướng sử dụng thiết bị có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, gồm: Chiếu sáng không gian công cộng; chiếu sáng mặt ngoài công trình; chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội; chiếu sáng trong khuôn viên công trình do các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý và sử dụng.

- Tuyến điện chiếu sáng đi ngầm dùng đèn LED 100 - 200W gắn trên cột thép tròn côn cao 8,0m kết hợp với cần đèn cao 2,0m. Hệ thống dùng cáp ngầm 0,4KV luôn trong ống nhựa xoắn chịu lực, ống thép đặt cách mặt đất 0,7m. Cột đèn chiếu sáng đặt cách bó vỉa 0,5 - 0,7m.

- Tủ điện điều khiển đóng cắt các tuyến điện chiếu sáng được treo và đấu nối tại cột đường dây cấp điện.

e) Cấp nước:

- Nguồn nước: Giai đoạn đến năm 2030, sử dụng nước từ NMN thị xã Quảng Trị, công suất hiện tại 5.500 m³/ngày.đêm, nguồn cấp nước tại hồ Tích Tường; định hướng sau 2030, bổ sung nguồn nước từ Nhà máy nước đập Trám công suất thiết kế 90.000 m³/ngày.đêm, nguồn nước tại hồ Đập Trám.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước: Nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 là 1.700 m³/ngày đêm, đến năm 2045 là 3.400 m³/ngày đêm.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Mạng lưới đường ống bố trí dạng vòng, cắt kết hợp thuận tiện cho việc phân phối nước đến các điểm tiêu thụ, đường ống sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính từ D160/150, D110/100.

- Cấp nước chữa cháy: Sử dụng nguồn nước sinh hoạt kết hợp với nguồn nước mặt (sông, hồ,...). Hạng cứu hỏa được bố trí trên các tuyến ống Φ110mm trở lên, đồng thời phải tuân theo quy phạm phòng cháy chữa cháy. Xây dựng các điểm cấp nước mặt (hố ga thu nước mặt) phục vụ cho chữa cháy.

f) Thoát nước mưa:

- Lưu vực thoát nước: Toàn đô thị được chia làm 05 lưu vực chính, mỗi lưu vực sẽ thu nước riêng biệt.

+ Lưu vực 1: Có diện tích lưu vực 224 ha. Bao gồm khu vực phía Bắc Quốc lộ 1A, khu vực này thấp và thường bị ngập lụt vào mùa mưa lũ. Hướng thoát nước chính về hướng Bắc theo các kênh, mương thủy lợi rồi chảy ra sông Nhùng. Thiết kế bố trí 3 vị trí kênh tiêu chính ra sông Nhùng.

+ Lưu vực 2: Có diện tích lưu vực 110 ha. Nằm giữa Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam, khu vực này thường bị ngập úng cục bộ vào mùa mưa lũ. Thiết kế bố trí 3 cống hộp qua đường Quốc lộ, thông qua 3 kênh thoát nước tại Lưu vực 1 để thoát nước ra sông Nhùng.

+ Lưu vực 3: Có diện tích lưu vực 599 ha. Là khu vực không bị ngập úng. Hướng nước thoát chính tập trung dọc theo Kênh thủy lợi N2A, khu vực Trám Nãi, Lườn và Cửa Miệu đổ ra khe Phườn Sắn chảy về sông Nhùng.

+ Lưu vực 4: Có diện tích lưu vực 160 ha. Là khu vực không bị ngập úng. Hướng nước chính tập trung vào khu vực An Lạc thoát về Tiên Hồ trên đở ra khe Phườn Sắn chảy về sông Nhùng.

+ Lưu vực 5: Có diện tích lưu vực 646 ha. Là khu vực vùng đồi núi. Hướng nước chính tập trung vào khe Khế, khe Phườn Sắn chảy về sông Nhùng.

- Hệ thống thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng hoàn toàn, bao gồm: Rãnh - hố thu - hố ga - đường cống - cửa xả; Hệ thống thoát nước mưa bố trí ngầm dưới vỉa hè, sử dụng hệ thống ống bê tông ly tâm đúc sẵn có đường kính D600, D800, D1.000, D1.200; Cống xả thoát nước có đường kính D1.500 và cửa xả ra các đoạn sông, kênh, mương, ao hồ.

g) Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải: Tổng lưu lượng thoát nước thải giai đoạn ngắn hạn là 14.00 m³/ngày; dài hạn đến năm 2045 là 2.800 m³/ngày.đêm.

- Nhà máy xử lý nước thải: Xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất 2.800 m³/ngày.đêm, giai đoạn ngắn hạn có công suất 1.400 m³/ngày.đêm nằm ở phía Bắc, thuộc thôn Long Hưng; Xây dựng mới trạm bơm nước thải số 1, với công suất giai đoạn ngắn hạn 500 m³/ngày.đêm, công suất giai đoạn dài hạn 1.000 m³/ngày.đêm; Xây dựng mới trạm bơm nước thải số 2, với công suất giai đoạn ngắn hạn 900 m³/ngày.đêm, công suất giai đoạn dài hạn 1.800 m³/ngày.đêm.

- Nước thải y tế: Được thu gom và xử lý riêng, chất lượng nước sau khi xử lý bảo đảm yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận hoặc đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

- Xây dựng hệ thống thoát nước sinh hoạt được thiết kế riêng hoàn toàn, sử dụng đường ống nhựa cứng có đường kính D200÷D500 để truyền dẫn và thu gom nước thải.

h) Xử lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:

- Vị trí khu xử lý chất thải rắn: Theo Quyết định 1224/QĐ-UBND ngày 15/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị thì CTR khu vực xã Hải Phú sẽ được chôn lấp tại Bãi chôn lấp CTR thị xã Quảng Trị, vị trí tại xã Hải Lệ.

- Nghĩa trang: Quy hoạch mở rộng nghĩa trang hiện trạng tại thôn Long Hưng với diện tích 2,66ha, quy hoạch mới nghĩa trang thôn Phú Hưng ở phía Tây hồ Miệu Duệ với diện tích 13,44ha.

i) Thông tin liên lạc:

Xây dựng hệ thống viễn thông đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác hướng tới phát triển đô thị thông minh phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT Lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông, Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và các quy định khác:

- Cáp: Xây dựng tuyến cáp quang đi ngầm (đường ống + hố ga cáp); Các đường cáp được chôn ngầm đi trong hệ thống cống bê để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan.

- Tuyến cống bê: Đầu tư xây dựng mới các tuyến cống bê trong khu vực, các tuyến cống bê có dung lượng là 2 ống D50 được đi một hoặc hai bên hè đường tùy theo nhu cầu; Khoảng cách các bê cáp trung bình từ 70m đến 120m; Sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính phù hợp với mạng lưới cáp quang. Các tuyến cống bê sẽ được đi ngầm dưới độ sâu $\geq 0,7$ m đối với lòng đường và $\geq 0,5$ m đối với dưới vỉa hè hoặc giải đất phân cách đường.

- Bố trí quỹ đất cho việc xây dựng trạm phát sóng thông tin di động sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, phát triển các trạm BTS thân

thiện với môi trường kết hợp đèn chiếu sáng dọc các tuyến đường chính trong khu vực quy hoạch.

3.9 - Nội dung quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Quy định hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, bảo vệ, sử dụng hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo đúng đồ án Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045 (*Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch*).

4. Kiến nghị:

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch chung đô thị mới La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045 làm cơ sở để UBND tỉnh trình Bộ Xây dựng lấy ý kiến thống nhất về đồ án và triển khai các bước tiếp theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *ny*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng